

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Khu trùng, tiêu tích, kiện tỳ. Chủ trị: Trẻ đau bụng giun, tiêu hoá kém, yếu, nước da xanh xao vàng vọt, kém ăn, bụng trương đầy, tiêu chảy, nóng sốt, hôi miệng.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 lần. Trẻ em dưới 3 tuổi giảm liều cho thích hợp.

HOÀN QUY TỶ

Công thức

Đang sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	80 g
Bạch truật sao cảm (<i>Atractylodis macrocephalae Radix Praeparata</i>)	160 g
Hoàng kỳ chích mật (<i>Astragali membranacei Radix Praeparata Cum Melle</i>)	160 g
Cam thảo chế mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma Praeparata Cum Melle</i>)	40 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	160 g
Viễn chí chích cam thảo (<i>Polygalae Radix Praeparata</i>)	160 g
Toan táo nhân (<i>Ziziphi mauritiana Semen</i>)	80 g
Long nhân (<i>Longan Arillus</i>)	160 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	160 g
Mộc hương (<i>Saussureae lappae Radix</i>)	40 g
Đại táo (bò hạt) (<i>Ziziphi jujubae Frutis</i>)	40 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Sấy khô các vị thuốc. Tán 11 vị thuốc thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kép trên, thêm 25 g đến 40 g mật ong luyện hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp, gây nhân và làm thành viên. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép trên, thêm 80 g đến 90 g mật ong luyện sôi, trộn đều cho mềm nhuyễn, chia thành các viên 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng: Hình cầu, mùi thơm nhẹ, vị ngọt sau hơi đắng và cay.

Hoàn mềm: Màu nâu, nhuận, mịn, mùi thơm nhẹ, vị ngọt sau hơi đắng và cay. Khối lượng mỗi hoàn 9 g.

Định tính

A. Định tính Hoàng kỳ, Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Hoàng kỳ, Bạch linh (mẫu chuẩn) thấy: Sợi thành bó hay rải rác, thành dày với những kẽ nứt dọc trên bề mặt, hai

đầu sợi thường bị gãy thành dạng tua như chổi hoặc gãy cụt của Hoàng kỳ. Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nằm không màu, hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh, đường kính 3 µm đến 8 µm của Bạch linh.

B. Định tính Toan táo nhân

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ether dầu hỏa (60 °C đến 80 °C) - ether ethylic - acid acetic (7,5 : 7,5 : 0,15)

Dung dịch thử: Lấy khoảng 30 g chế phẩm, tán hoặc cắt nhỏ (nếu là hoàn mềm), thêm 50 ml ethanol (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc lấy dịch chiết. Bã được chiết như trên một lần nữa. Gộp các dịch chiết ethanol, cô trên cách thủy tới gần khô. Khuấy kỹ lẫn với ether dầu hỏa (60 °C đến 80 °C) (TT) 2 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch ether dầu hỏa, bốc hơi trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2,5 g bột thô Toan táo nhân (mẫu chuẩn) đã giã nhỏ, thêm 20 ml ethanol (TT), tiếp tục chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi đặt vào bình đã bão hòa hơi iod (TT) cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ethanol (TT), lắc kỹ, ngâm 30 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 1 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ethanol (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Đảng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 30 g chế phẩm, tán thành bột thô (hoặc cắt nhỏ nếu hoàn mềm), thêm 50 ml methanol (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml ethanol (TT).

HOÀN SÂM NHUNG BỔ THẬN

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 1,5 g bột Đảng sâm (mẫu chuẩn), thêm 15 ml *methanol* (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích khí bổ huyết, kiện tỳ dưỡng tâm. Chủ trị: Tâm tỳ hư, khí huyết hư, biểu hiện: lo sợ, hay quên, đánh trống ngực, hồi hộp, mất ngủ, ngủ mê, hơi thở ngắn, mệt mỏi, kém ăn. Tỳ không nhiếp huyết: Rong kinh, băng huyết, đại tiểu tiện ra huyết, đới hạ.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng hoặc 1 hoàn mềm, ngày 3 lần. Uống với nước ấm hoặc nước gừng tươi.

HOÀN SÂM NHUNG BỔ THẬN

Công thức

Ba kích (<i>Morindae officinalis Radix</i>)	30 g
Hà thủ ô đồ đã chế biến (<i>Fallopiae multiflorae Radix Praeparata</i>)	29 g
Bách hợp (<i>Lilii Bulbus</i>)	30 g
Nhân sâm (<i>Ginseng Rhizoma et Radix</i>)	3,6 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	29 g
Nhục thung dung (<i>Cistanthes Herba</i>)	12 g
Bạch truật (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma</i>)	18 g
Nhung hươu (<i>Cervi pantotrichum Cornu</i>)	1,2 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	2,5 g
Hạt sen (<i>Nelumbinis nucifecae Semen</i>)	44 g
Cao ban long (<i>Cervi Cornus Colla</i>)	3,6 g
Thỏ ty tử (<i>Cuscutae Semen</i>)	20 g
Câu kỷ tử (<i>Lycii Fructus</i>)	20 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	120 g
Câu tích (<i>Cibotii Rhizoma</i>)	15 g
Trạch tả (<i>Alismatis Rhizoma</i>)	15 g
Hoài sơn (<i>Dioscoreae persimilis Tuber</i>)	38 g
Tục đoạn (<i>Dipsaci Radix</i>)	29 g
Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	12 g
Xuyên khung (<i>Chuanxiong Rhizoma</i>)	14 g
Đỗ trọng (<i>Eucommiae Cortex</i>)	12 g

Viễn chí (*Polygalae Radix*)

8 g

Đương quy (*Angelicae sinensis Radix*)

20 g

Mật ong vừa đủ (*Mel q.s*)

Bào chế

Ba kích: Lấy ba kích nhục, tẩm muối sao (Phụ lục 12.20).

Bách hợp: Rửa sạch, sấy khô.

Bạch linh: Cạo vỏ, đồ chín, thái nhỏ, sấy khô.

Bạch truật: Rửa sạch, đồ chín, thái phiến, sấy khô, tẩm nước vo gạo (Phụ lục 12.20).

Đảng sâm: Hấp chín, thái lát, sấy khô.

Nhân sâm: Thái mỏng, sấy khô.

Nhục thung dung: Rửa sạch bằng nước phèn, ngâm 3 h cho sạch muối, hấp chín, thái mỏng, sấy khô.

Hạt sen (Sen nhục): Rửa sạch, phơi khô, sao qua.

Thỏ ty tử: tẩm rượu sao (Phụ lục 12.20).

Thục địa: Thái lát mỏng, sấy khô.

Câu kỷ tử: Tẩm rượu (Phụ lục 12.20).

Các dược liệu sau đây chế biến theo chuyên luận riêng:

Cam thảo tẩm mật, Câu tích tẩm rượu, Hoài sơn (Củ mài) sao vàng.

Đỗ trọng tẩm muối sao, Đương quy tẩm rượu sao, Hà thủ ô đồ đã chế biến, Nhung hươu: sấy khô tán bột, Trạch tả chế muối, Tục đoạn thái lát, làm khô, Xuyên khung tẩm rượu. Nghiền bột mỗi vị thuốc trên. Hỗn hợp các bột thuốc theo công thức, trộn đều. Làm hoàn với mật ong đã canh và Cao ban long đã hòa tan trong mật ong nóng.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen nhánh, đồng nhất, mềm nhuyễn, mịn, mùi thơm đặc trưng, vị ngọt hơi đắng. Khối lượng 9 g.

Định tính

A. Định tính Hạt sen, Bạch linh và Củ mài: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Hạt sen, Bạch linh và Củ mài (mẫu chuẩn), phải thấy: Các hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rón lệch tâm, hình châm hay hình vạch của Củ mài. Hạt tinh bột hình trứng, hình bầu dục rộng 2 µm đến 6 µm, dài 4 µm đến 14 µm hoặc hình tròn có đường kính 2 µm đến 19 µm, rón phân nhánh, vân không rõ của Hạt sen. Sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi khúc khuỷu, phân nhánh của Bạch linh.

B. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, cắt nhỏ, chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol* (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết *methanol*, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cồn 10 ml *n-butanol* (TT), đặt lên bếp cách thủy nóng, dùng thìa thủy tinh khuấy kỹ trong 5 min, gạn lấy dịch chiết butanol. Chiết lại cồn như trên